

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 293/2019/HC-PT

Ngày 06/11/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về  
đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Hạnh;

*Các Thẩm phán:*

Ông Bùi Xuân Trọng ;

Ông Điều Văn Hằng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 311/2019/TLPT-HC ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10126/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Đặng Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu 1, khu dân cư số 1, Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

**\* Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhữ Văn C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hữu T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt (Văn bản ủy quyền số 11/UQ-UBND ngày 28/10/2019).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; có mặt.

- Công ty cổ phần đầu tư DVS Việt Nam; trụ sở: Tầng 6, số 225 đường Q, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T1 - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 - là cán bộ Công ty; có mặt (Văn bản ủy quyền số 16 và 17/UQ/2019 ngày 05/11/2019)

- Ông Đào Đình H2, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu 1, khu dân cư số 1, Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/02/2019 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Đặng Thị M trình bày:

Năm 1993 hộ gia đình bà có 04 khẩu gồm bà, ông Đào Đình H1, cụ Đào Đình S và cụ Ngô Thị H2 được chia 1.977m<sup>2</sup> đất ruộng và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006, bố chồng bà là cụ Sảng bán phần đất ruộng của cụ cho Công ty T. Năm 2007, cụ S chết. Năm 2015, mẹ chồng bà là cụ H2 bán phần ruộng của cụ cho Công ty giày da Đ. Phần diện tích đất ruộng còn lại của gia đình hiện nay là của bà và chồng bà là ông H1.

Năm 2017, thực hiện dự án Khu dân cư mới xã Đ, Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 (viết tắt là Quyết định 1305) thu hồi 505m<sup>2</sup> đất của gia đình bà thuộc thửa đất số 1093 (toàn bộ thửa đất) theo trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 1- 2017 tại xã Đ, huyện T.

Cùng ngày 31/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định số 1408/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và chi phí tổ chức thực hiện khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ (viết tắt là Quyết định 1408).

Hiện nay gia đình bà chỉ còn phần diện tích đất này để làm kế sinh nhai nhưng giá bồi thường, hỗ trợ quá thấp nên bà đã có đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ra Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 (viết tắt là Quyết định 82) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà.

Do đó, bà M khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định thu hồi đất số 1305/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T đối với hộ gia đình bà M.

- Hủy Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà M.

- Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu số 82/QĐ-UB ngày 08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đối với gia đình bà M.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường 02 vụ lúa năm 2018 và 01 vụ chiêm năm 2019, trung bình mỗi vụ thu hoạch là 220kg/sào. Tổng thiệt hại của 03 vụ = 660kg/sào, trung bình giá thị trường là 10.000đ/kg.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ đổ nước vào khu đồng bị chiếm dụng để hộ bà M tiếp tục sản xuất trên đất ruộng đã thu hồi.

- Yêu cầu bồi thường con đường bê tông giữa cánh đồng do các hộ dân của hai đội trong thôn đóng góp xây dựng.

Đồng thời bà M đề nghị xác định người bị kiện là Nguyễn Việt H3 liên quan đến dự án khu dân cư mới xã Đ.

Các căn cứ người khởi kiện đưa ra gồm:

- Mặc dù dự án khu dân cư mới xã Đ do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là đúng nhưng đây không phải dự án công trình phúc lợi của Nhà nước mà thu hồi vì mục đích kinh tế xã hội nên người dân phải được thỏa thuận về giá đền bù. Tuy nhiên trên thực tế, Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân xã Đ thực hiện dự án không dân chủ, không công khai minh bạch, không cho dân được thỏa thuận về giá đền bù. Khi chưa có quyết định lựa chọn chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân xã Đ đã chi trả tiền đền bù cho người bị thu hồi đất. Ngày 28/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tiến độ dự án và đã trả tiền đền bù cho 85/141 hộ dân, nhưng đến ngày 27/9/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh mới có Quyết định số 2922 về phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện xây dựng dự án khu dân cư mới xã Đ là công ty cổ phần DVS. Như vậy, có sự thông đồng cấu kết giữa chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân xã Đ trước 3 tháng, nhằm mua ruộng của dân với giá rẻ, sang nhượng cho chủ đầu tư giá cao. Đây là dấu hiệu rõ ràng của lợi ích nhóm.

- Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 thì quyền sử dụng đất là quyền tài sản của công dân. Dự án khu dân cư mới Đ không phải dự án công trình công cộng Nhà nước nên khi thu hồi đất thì người bị thu hồi phải được thỏa thuận về giá và phải được trả bằng diện tích đất ở khác, cụ thể bà M yêu cầu thu hồi 01 sào ruộng thì phải trả bằng 01 suất đất ở. Gia đình bà cùng các hộ dân khác đã thắc mắc về giá, nhưng Ủy ban nhân dân huyện T không báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương mà vẫn áp dụng Luật Đất đai 2013, thu hồi đất và áp giá theo khung giá của Ủy ban nhân dân tỉnh là không đúng.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thực hiện Nghị Quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 04/11/2016, Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Công văn số 766/UBND-VP ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân huyện T đã thực hiện thu hồi đất canh tác để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ; đồng thời bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị thu hồi. Quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện T đã thông báo về việc thu hồi đất, kiểm đếm cây cối, tài sản, lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể, Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ vào giá đất chuyển nhượng thực tế, phổ biến trên địa bàn xã Đ tại các vị trí tương đồng để xây dựng giá đất bồi thường. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ra quyết định phê duyệt hệ số điều chỉnh đối với dự án là  $k=1$  nên Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ vào đó lập phương án và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong đó có hộ bà M.

Bà M không đồng ý nên sau khi nhận các tài liệu, văn bản thì đã trả lại và cũng không nhận tiền bồi thường (Hội đồng giải phóng mặt bằng đã gửi tiền bồi thường, hỗ trợ tại Ngân hàng). Đồng thời, làm đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ trên báo cáo của Đoàn xác minh, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà M.

Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xác định dự án khu dân cư mới xã Đ thuộc diện Nhà nước thu hồi đất, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho người dân cũng như giải quyết khiếu nại được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày:

Dự án khu dân cư mới xã Đ là dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt. Các nội dung của dự án đã được Ủy ban nhân dân xã Đ công khai bằng hình thức niêm yết, thông báo trên hệ thống hoa truyền thanh của xã. Khi triển khai thu hồi đất, Ủy ban nhân dân xã Đ phối hợp cùng Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện T và các đoàn thể tuyên truyền, vận động để nhân dân biết và hiểu rõ về dự án.

Ủy ban nhân dân xã Đ xác định dự án khu dân cư mới xã Đ được thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư DVS Việt Nam (viết tắt là công ty DVS) trình bày:

Công ty DVS là nhà thầu được trúng thầu theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ, huyện T. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt phương án bồi thường, công ty DVS đã chuyển tiền theo dự án cho Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện bao gồm tiền nộp ngân sách, tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất và phối hợp với của Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân huyện T trong quá trình thực hiện việc thu hồi.

Công ty DVS cho rằng đây là dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng nên việc xác định giá đất bồi thường phải áp dụng quy định của Luật Đất đai 2013. Người dân yêu cầu thỏa thuận về giá là không có căn cứ nên Công ty DVS không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Hiện nay dự án đủ điều kiện triển khai thi công nhưng phải tạm dừng 1 năm nên gây khó khăn và thiệt hại về tài chính, nhân sự của công ty. Do đó, Công ty DVS đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để công ty sớm thực hiện và hoàn thành dự án.

Tại Bản án sơ thẩm số 57/2019/HCST ngày 31/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc hủy Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của hộ bà M để thực hiện xây dựng khu dân cư mới xã Đ, huyện T; hủy Quyết định 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà M; hủy Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày

08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà M.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng) thiệt hại do không canh tác được 04 vụ lúa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 31/7/2019, người khởi kiện là bà Đặng Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Đặng Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương khẳng định việc ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà Đặng Thị M của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương là đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Dự án xây dựng khu dân cư mới xã Đ là dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai nên không phải thỏa thuận về giá đất bồi thường. Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà Đặng Thị M được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục; đảm bảo về giá đất; quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị M, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo là ông Đào Đình H1 (là chồng của bà M) vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự có mặt tại phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H1.

[1.2] Về xác định người bị kiện trong vụ án: Bà M đề nghị xác định người bị kiện bao gồm cả ông Nguyễn Viết H3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ vì dự án có lợi ích nhóm và ông H3 có hành vi xúc phạm nhân dân. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện ông H3 đã không còn giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ. Mặt khác, việc xác định người khởi kiện trong vụ án hành chính là người có thẩm

quyền ban hành quyết định hành chính, hành vi hành chính là đối tượng khởi kiện. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện thấy rằng Tòa án sơ thẩm xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là có căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Việc bà M yêu cầu xử lý hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ không thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu này của bà M là có căn cứ.

[1.3] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là các quyết định:

- Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện về việc thu hồi 505m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình ông Đào Đình H1 (là chồng của bà Đặng Thị M) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ, huyện T (BL14).

- Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Đào Đình H1 (BL13).

- Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của hộ gia đình bà M, ông Đào Đình H1 (BL16).

Ngày 01/01/2019, bà Đặng Thị M (là vợ của chủ hộ ông Đào Đình H1 và là thành viên hộ gia đình) có đơn khởi kiện (ngày 03/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận đơn do bà M đến nộp) yêu cầu hủy các quyết định nêu trên và bồi thường thiệt hại hoa màu trên đất do không được canh tác (BL18). Như vậy, căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Đào Đình Hoàn vẫn còn. Theo hướng dẫn tại Điều 5 mục V Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì mặc dù thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 và Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T đã hết, nhưng việc xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 có liên quan trực tiếp đến 02 quyết định nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của 03 quyết định theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị M là có căn cứ.

[1.4] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.5] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 31/7/2019, bà Đặng Thị M có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Đặng Thị M không đồng ý với bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Thực hiện Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án, công trình trên địa bàn tỉnh (BL221). Ngày 04/11/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 3189/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới xã Đ và Văn bản số 766/UBND-VP ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện T quyết định thu hồi đất, thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất để thực hiện công trình xây dựng khu dân cư mới xã Đoàn T theo chấp thuận thu hồi đất của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương tại Nghị quyết số 16 nêu trên; kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện T (BL10). Ngày 31/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 505m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình ông Đào Đình H1, bà Đặng Thị M và Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Đào Đình H1, bà Đặng Thị M để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ là đúng thẩm quyền quy định của Luật Đất đai.

Các trình tự, thủ tục thu hồi đất và phương án bồi thường được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành thông báo thu hồi đất thực hiện dự án, thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất, tổ chức họp dân để thông báo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân và thực hiện niêm yết công khai các văn bản, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ và nhà văn hóa thôn theo quy định của pháp luật. Khi tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất thu hồi của gia đình bà M, ông H1 (là chồng của bà M) có mặt nhưng không ký biên bản đo đạc, kiểm đếm thực địa quyền sử dụng đất, hoa màu, tài sản công trình trên đất. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, Trưởng thôn Phạm L đã tiến hành giao trực tiếp các văn bản, quyết định liên quan đến thu hồi đất và phương án phê duyệt bồi thường cho hộ bà M nhưng gia đình bà M không nhận nên phải lập biên bản về việc không nhận và tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã và nhà văn hóa thôn Phạm L, thông báo trên đài truyền thanh xã.

Bà Đặng Thị M kháng cáo cho rằng đơn khởi kiện của các hộ dân có đất bị thu hồi có cùng nội dung, sự việc như nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tách ra giải quyết thành nhiều vụ án là vi phạm Bộ luật tố tụng dân sự thấy: Các gia đình bị thu hồi đất đều được Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thu hồi đất độc lập, có diện tích đất bị thu hồi khác nhau và quyết định phê duyệt bồi thường kèm theo danh sách các hộ gia đình, cá nhân được hưởng số tiền bồi thường từ việc thu hồi đất khác nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của từng hộ gia đình, cá nhân đối với các quyết định liên quan đến diện tích đất bị thu hồi là đúng với quy định của Luật Tố tụng hành chính. Việc bà M yêu cầu giải quyết tất cả các yêu cầu khởi kiện của các hộ gia

đình, cá nhân bị thu hồi đất trong cùng một vụ án là không đúng nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ là dự án thương mại nên chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất bồi thường với người có đất bị thu hồi, thấy rằng: Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ là dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương chấp thuận thu hồi đất tại Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 và được quy định cụ thể tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Do đó, đơn giá bồi thường hỗ trợ do Nhà nước quy định; không thuộc trường hợp được thỏa thuận về giá bồi thường giữa chủ đầu tư thực hiện dự án với người có đất thu hồi. Tại thời điểm áp giá để lập phương án bồi thường, thu hồi đất đối với dự án khu dân cư mới xã Đ được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Đất đai. Diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà M là đất nông nghiệp và giá bồi thường được xác định theo giá cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành khảo sát giá chuyển nhượng thực tế đất nông nghiệp tại khu vực có đất bị thu hồi và các khu lân cận để xác định giá bồi thường đất nông nghiệp bị thu hồi đối với dự án khu dân cư mới xã Đ là 70.000đ/m<sup>2</sup> là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi của người có đất bị thu hồi. Tại Biên bản đối thoại ngày 12/4/2019 giữa đại diện Ủy ban nhân dân huyện T với bà M, Ủy ban nhân dân huyện đã khẳng định giá đất bồi thường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt, không có cơ sở để bồi thường đất thổ cư; nếu bà M đồng ý nhận đất nông nghiệp thì Ủy ban nhân dân huyện T đồng ý bồi thường diện tích tương đương. Do đó, việc bà M cho rằng giá đất bồi thường thấp, phải thỏa thuận về giá bồi thường diện tích đất thu hồi với chủ đầu tư thực hiện dự án hoặc cấp cho gia đình bà một thửa đất thổ cư là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng khi chưa có quyết định phê duyệt nhà đầu tư, Ủy ban nhân dân xã Đ đã tiến hành bồi thường cho dân là có vấn đề lợi ích nhóm, thấy rằng: Ngày 23/02/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có Quyết định số 629/QĐ-UBND phê duyệt kết quả sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án là Công ty DVS (BL163). Ngày 27/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có Quyết định số 2922/QĐ-UBND phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khu dân cư mới xã Đ (BL118). Tuy nhiên, ngày 29/5/2017 Công ty DVS đã có Công văn số 08/2017/CV-DVS về việc ứng trước kinh phí phục vụ giải phóng mặt bằng cho dự án khu dân cư mới xã Đ. Do Công ty DVS là nhà đầu tư duy nhất trúng sơ tuyển nên đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cho ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ mà Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã lập để trả cho các hộ dân có đất bị thu hồi để đảm bảo quyền lợi cho dân. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2019, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày theo nguyện vọng của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi muốn nhận tiền ngay và

để đẩy nhanh tiến độ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu dân cư mới xã Đ nhằm đáp ứng tiêu chí phân đầu là đô thị loại 5 nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện phải huy động kinh phí để trả các hộ dân phục vụ các nhu cầu trên. Đây chỉ là khoản tiền ứng trước theo đề nghị của nhà đầu tư và số tiền này sẽ được thanh, quyết toán giá trị vào dự án đầu tư nên không có căn cứ xác định có vấn đề lợi ích nhóm của cá nhân, tổ chức nào. Việc ứng và nhận tiền bồi thường của người có đất bị thu hồi không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Đối với kháng cáo của bà M yêu cầu được tiếp tục canh tác trên diện tích đất bị thu hồi và được bồi thường thiệt hại do không được canh tác trên đất bị thu hồi thấy: Tại Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về kết quả giải quyết và trả lời các kiến nghị của các hộ dân; Thông báo số 86/TB-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tại hội nghị đối thoại với các hộ dân về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T đều khẳng định quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án khu dân cư mới xã Đ là đúng pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện T không có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho người khởi kiện. Mặt khác, tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất*”. Căn cứ quy định nêu trên thì kể từ thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, các hộ dân có đất bị thu hồi không còn quyền sử dụng, canh tác trên diện tích đất đã được cơ quan nhà nước thu hồi nên việc bà M yêu cầu được bồi thường hoa màu do không được canh tác trên diện tích đất bị thu hồi là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đối với khiếu nại của gia đình bà M được ban hành đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại và trên cơ sở báo cáo xác minh, ngày 08/01/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại và đảm bảo thời hạn theo quy định tại các Điều 27, 28 và 29 Luật khiếu nại năm 2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét làm rõ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (lần 1) cho Công ty cổ phần đầu tư DVS Việt Nam thực hiện dự án khu dân cư mới xã Đ, huyện T với lý do quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm bà không biết có quyết định này thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện có Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (BL319) do Công ty DVS nộp cho Tòa án sơ thẩm ngày 24/4/2019 (BL351). Tại Biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/6/2019 thể hiện Thẩm phán công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bà M có tham gia và ký biên bản có nội dung

thể hiện bà M đã được tiếp cận tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên quyền lợi đã đảm bảo và không có ý kiến gì (BL354). Mặt khác, tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà M không có yêu cầu xem xét đối với Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng với quy định tại Điều 8 Luật Tổ tụng hành chính. Do yêu cầu của bà M đề nghị làm rõ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết nên không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 220 Luật Tổ tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị M như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đặng Thị M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 74, Điều 75, Điều 112, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 9, khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28 và Điều 29 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điều 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về giá đất; Điều 7 Thông tư số 36/2014 ngày 20/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Đặng Thị M; hủy Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà

Đặng Thị M và hủy Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ gia đình bà M.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường thiệt hại 9.800.000đ do không canh tác được 04 vụ lúa.

Về án phí: Bà Đặng Thị M phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm; 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 490.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0006020 ngày 18/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương và 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008287 ngày 08/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Bà M còn phải nộp tiếp 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Phương Hạnh**